

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Mã chứng khoán: TYA

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251-3836361-4

Fax: 0251-3836388

Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thin Pau

Chức vụ: Trưởng phòng quản lý chứng khoán

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu:

Nội dung thông tin công bố:

Giải trình và Báo cáo tài chính kiểm toán Tổng hợp và Trụ sở chính năm 2020 Taya.

Toàn bộ nội dung CBTT này được đăng tải trên Website của công ty từ ngày 19 tháng 03 năm 2021 tại địa chỉ: www.taya.com.vn mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Người CBTT được ủy quyền**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu vp



LINH THIN PAU

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM

Tên công ty : Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Trụ sở chính : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
Điện thoại : 0251-3836361-4 Fax: 0251-3836388
Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thịn Pau
Địa chỉ : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
Điện thoại : 0251-3836361-4, Fax: 0251-3836388

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình chênh lệch số liệu kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Trụ sở chính so với báo cáo quý 4/2020 trước kiểm toán như sau:

So sánh số liệu chênh lệch(Trụ sở chính):

Nội dung	kiểm toán	Quý 4/2020	Chênh lệch
ĐT NG đến ngày đáo hạn(123)	71,764,939,282	70,000,000,000	1,764,939,282
Phải thu khách hàng(131)	235,735,346,039	268,486,014,143	-32,750,668,104
Phải thu nội bộ ngắn hạn (133)	0	436,734,746	-436,734,746
Hàng tồn kho(141)	185,877,999,122	184,409,049,676	1,468,949,446
Tài sản ngắn hạn khác(155)	223,712,655	1,988,651,937	-1,764,939,282
Tài sản thuế TN hoãn lại(262)	220,498,659	271,892,677	-51,394,018
Phải trả người bán(311)	12,240,001,180	10,771,051,734	1,468,949,446
Người mua trả tiền trước(312)	18,039,439,599	51,226,842,449	-33,187,402,850
Thuế các khoản PN NN (313)	2,443,622,274	2,399,742,173	43,880,101
LNST chưa phân phối (421b)	48,549,500,346	48,644,774,465	-95,274,119

I. Giải trình chênh lệch số liệu trước và sau báo cáo kiểm toán:

Bảng cân đối kế toán:

- Kiểm toán điều chỉnh khoản đầu tư ngắn hạn (123) 71,764,939,282 phát sinh chênh lệch 1,764,939,282 làm ảnh hưởng điều chỉnh giảm khoản tài sản ngắn hạn khác (155) phát sinh chênh lệch -1,764,939,282 cân trừ nhau.
- Kiểm toán phân loại lại khoản phải thu khách hàng(131) 235,735,346,039 phát sinh chênh lệch -32,750,668,104 cân trừ với khoản người mua trả tiền trước (312)sau điều chỉnh chênh lệch -33,187,402,850 và khoản Phải thu nội bộ ngắn hạn (133) sau điều chỉnh -436,734.746.
- Kiểm toán điều chỉnh hàng tồn kho(141)185,877,999,122 phát sinh chênh lệch 1,468,949,446 ảnh hưởng khoản phải trả người bán (311) điều chỉnh tăng 1,468,949,446.
- Kiểm toán điều chỉnh thuế TNDNHL(262) 220,498,659 phát sinh chênh lệch -51,394,018 và điều chỉnh khoản LNST chưa phân phối (421b) chênh lệch -95,274,119 và kiểm toán điều chỉnh tăng Thuế và các khoản PNNN (313)phát sinh chênh lệch 43,880,101 cân trừ nhau.
- Do phân loại lại và điều chỉnh các số liệu trên làm ảnh hưởng thay đổi các số liệu như Vốn chủ sở hữu, Tổng tài sản, Nợ phải trả, tài sản ngắn hạn và số liệu khác...

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh:

- Kiểm toán phân loại lại Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh chênh lệch 9,747,425 cân trừ với chi phí tài chính
- Kiểm toán điều chỉnh chi phí thuế TNDN hoãn lại ảnh hưởng lợi nhuận sau thuế giảm -95,274,119.

Bảng lưu chuyển tiền tệ:

Do kết quả điều chỉnh và phân loại lại bảng CĐKT và KQHĐKD nêu trên ảnh hưởng làm thay đổi trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nhưng không làm thay đổi số liệu tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ.

Công ty cam kết nội dung giải trình trên đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người thực hiện công bố thông tin



Linh Thin Pau

Tổng Giám Đốc



Wang Ting Shu



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam) –
Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số

414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006

do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

414/GPĐC1-BKH-KCN-DN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-DN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-DN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007

do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số

472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017

do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị

Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
Ông Shen Shang Hung	Thành viên
Ông Shen San Yi	Thành viên
Ông Wang Ting Shu	Thành viên
Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên
Ông Tu Ting Jui	Thành viên
Ông Lin Fu Chih	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc
Ông Hsu Ching Yao	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Hung Chung Ming	Trưởng ban kiểm soát
Ông Chiu Tsung Jen	Thành viên
Ông Wang Wen Ruey	Thành viên
Ông Wang Yen Huang	Thành viên

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Chi nhánh

Xã Cẩm Điền
Huyện Cẩm Giang
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

042-

NHÀ
TY
PM

HỒ

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
– Trụ sở chính Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00282/1-21-2




Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chún

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		565.406.736.304	572.874.736.680
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	67.926.399.212	67.785.364.422
Tiền	111		67.926.399.212	37.785.364.422
Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		71.764.939.282	20.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	71.764.939.282	20.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		235.850.300.002	238.974.501.959
Phải thu của khách hàng	131	6	235.735.346.039	236.286.800.631
Trả trước cho người bán	132		455.374.640	3.269.338.520
Phải thu khác	136		778.657.535	537.441.020
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.119.078.212)	(1.119.078.212)
Hàng tồn kho	140	7	185.527.086.274	240.082.817.397
Hàng tồn kho	141		185.877.999.122	240.858.348.953
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(350.912.848)	(775.531.556)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.338.011.534	6.032.052.902
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.813.867.821	1.421.943.062
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	2.300.431.058	4.014.347.285
Tài sản ngắn hạn khác	155		223.712.655	595.762.555
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		191.794.333.969	198.125.649.320
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh	213	8	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		66.696.299.806	68.054.242.194
Tài sản cố định hữu hình	221	9	66.530.287.006	67.801.613.394
Nguyên giá	222		342.421.581.886	333.026.032.740
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(275.891.294.880)	(265.224.419.346)
Tài sản cố định vô hình	227	10	166.012.800	252.628.800
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(834.066.000)	(747.450.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	5.446.203.704
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	5.446.203.704
Tài sản dài hạn khác	260		2.296.386.726	1.823.555.985
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.075.888.067	1.539.364.520
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		220.498.659	284.191.465
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		757.201.070.273	771.000.386.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

1901
 CHI
 CÔNG
 K
 PH

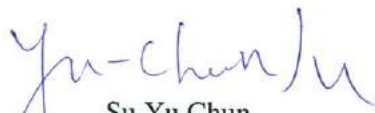
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		302.645.987.212	314.182.894.908
Nợ ngắn hạn	310		302.645.987.212	314.182.894.908
Phải trả người bán	311	13	12.240.001.180	18.860.404.398
Người mua trả tiền trước	312		18.039.439.599	4.131.436.025
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(b)	2.443.622.274	2.500.244.537
Phải trả người lao động	314		5.993.042.700	5.907.538.300
Chi phí phải trả	315		864.879.120	1.075.134.937
Phải trả khác	319		165.092.382	182.838.893
Vay ngắn hạn	320	15	262.899.909.957	281.525.297.818
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		454.555.083.061	456.817.491.092
Vốn chủ sở hữu	410	16	454.555.083.061	456.817.491.092
Vốn cổ phần	411	17	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	17	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	19	78.595.648.888	65.250.116.548
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.332.823.536	84.940.763.907
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.783.323.190	15.922.584.525
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		48.549.500.346	69.018.179.382
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		757.201.070.273	771.000.386.000

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ling Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	21	1.244.789.779.085	1.453.036.569.907
Giá vốn hàng bán	11	22	1.130.731.866.043	1.308.692.760.166
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		114.057.913.042	144.343.809.741
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.439.910.950	5.994.335.839
Chi phí tài chính	22	24	16.662.850.156	17.964.510.733
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.316.132.329	13.337.314.489
Chi phí bán hàng	25	25	18.797.299.189	20.513.594.809
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	27.154.953.450	28.351.849.532
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		58.882.721.197	83.508.190.506
Thu nhập khác	31		389.446.974	128.512.391
Chi phí khác	32		607.032.535	449.985.049
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(217.585.561)	(321.472.658)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		58.665.135.636	83.186.717.848
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	10.051.942.484	14.196.370.193
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	28	63.692.806	(27.831.727)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		48.549.500.346	69.018.179.382

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		58.665.135.636	83.186.717.848
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		12.122.917.593	10.498.922.367
Các khoản dự phòng	03		(424.618.708)	185.544.852
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		110.425.876	(333.613.356)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(5.510.100.341)	(3.034.035.267)
Chi phí lãi vay	06		12.316.132.329	13.337.314.489
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		77.279.892.385	103.840.850.933
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		5.350.706.148	6.056.614.148
Biến động hàng tồn kho	10		54.980.349.831	(48.089.797.644)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		7.283.910.795	(107.865.488.813)
Biến động chi phí trả trước	12		(928.448.306)	452.369.245
			143.966.410.853	(45.605.452.131)
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.550.843.721)	(13.433.823.535)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.022.409.147)	(13.617.293.518)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.268.740.498)	(1.611.107.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		119.124.417.487	(74.267.676.405)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.318.771.501)	(20.910.608.989)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		121.982.364	109.830.000
Tiền chi gửi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(241.764.939.282)	(20.000.000.000)
Tiền thu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24		190.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		5.146.901.462	2.563.403.135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.814.826.957)	(38.237.375.854)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		833.330.190.388	1.289.649.483.483
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34		(851.955.578.249)	(1.151.926.231.910)
Tiền chi trả cổ tức	36		(48.543.167.879)	(36.865.533.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(67.168.555.740)	100.857.717.694
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		141.034.790	(11.647.334.565)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		67.785.364.422	79.432.698.987
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	67.926.399.212	67.785.364.422

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005 tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-DN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Trụ sở chính có 262 nhân viên (1/1/2020: 272 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này do Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính của Chi nhánh. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) cũng lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Trụ sở chính dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

042-
NHÀ
TY
PM
HỒ

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm Chi nhánh Hải Dương, các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông này.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	347.049.000	179.729.000
Tiền gửi ngân hàng	67.579.350.212	37.605.635.422
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	67.926.399.212	67.785.364.422

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND	4,8% – 5,3%	71.764.939.282	20.000.000.000

Bao gồm trong các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhằm mục đích đảm bảo thanh toán cho việc cung cấp điện từ nhà cung cấp trị giá 1.200.000.000 VND (1/1/2020: không) và đảm bảo cho nghĩa vụ bảo hành của Trụ sở chính theo hợp đồng đã ký với khách hàng với số tiền 564.939.282 VND (1/1/2020: không).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	34.622.004.535	30.714.170.816
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	45.754.166.428	31.570.636.697
Các khách hàng khác	155.359.175.076	174.001.993.118
	<hr/>	<hr/>
	235.735.346.039	236.286.800.631

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – chi nhánh Hải Dương	436.734.746	-
Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam)	135.850.106	808.969.007
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

42-06
HÁM
TY T
MG
HỒ CH

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	1.843.088.190	-	59.533.411.457	-
Nguyên vật liệu	25.720.262.116	-	25.798.057.667	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.918.282.242	(143.835.884)	7.318.418.151	(416.640.868)
Thành phẩm	150.396.366.574	(207.076.964)	148.208.461.678	(358.890.688)
	185.877.999.122	(350.912.848)	240.858.348.953	(775.531.556)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/tăng dự phòng trong năm	775.531.556 (424.618.708)	589.986.704 185.544.852
Số dư cuối năm	350.912.848	775.531.556

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 17,9 tỷ VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm (1/1/2020: 12,9 tỷ VND chi phí sản xuất kinh doanh và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này không hưởng lãi và được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	74.251.473.887	243.263.045.505	9.370.129.293	3.597.164.058	2.544.219.997	333.026.032.740
Tăng trong năm	4.695.006.363	207.312.138	-	361.453.000	55.000.000	5.318.771.501
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	5.446.203.704	-	-	-	5.446.203.704
Thanh lý	-	(1.369.426.059)	-	-	-	(1.369.426.059)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	78.946.480.250	247.547.135.288	9.370.129.293	3.958.617.058	2.599.219.997	342.421.581.886
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	60.551.881.586	192.690.606.140	6.205.898.529	3.358.099.394	2.417.933.697	265.224.419.346
Khấu hao trong năm	2.027.260.400	8.832.685.893	974.000.400	144.388.600	57.966.300	12.036.301.593
Thanh lý	-	(1.369.426.059)	-	-	-	(1.369.426.059)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	62.579.141.986	200.153.865.974	7.179.898.929	3.502.487.994	2.475.899.997	275.891.294.880
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	13.699.592.301	50.572.439.365	3.164.230.764	239.064.664	126.286.300	67.801.613.394
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	16.367.338.264	47.393.269.314	2.190.230.364	456.129.064	123.320.000	66.530.287.006

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 209,8 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 207,7 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1/ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	747.450.000
Khấu hao trong năm	86.616.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	834.066.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	252.628.800
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	166.012.800

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 567 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 567 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	5.446.203.704	4.388.875.886
Tăng trong năm	-	18.493.353.861
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.446.203.704)	(17.436.026.043)
Số dư cuối năm	-	5.446.203.704

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ gồm VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.311.212.251	228.152.269	1.539.364.520
Tăng trong năm	-	872.344.707	872.344.707
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(278.972.600)	(335.821.160)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.254.363.691	821.524.376	2.075.888.067

13. Phải trả người bán

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	879.050.932	879.050.932	2.863.303.808	2.863.303.808
Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam)	27.566.819	27.566.819	30.800.000	30.800.000
Các bên khác				
Các nhà cung cấp khác	11.333.383.429	11.333.383.429	15.966.300.590	15.966.300.590
	12.240.001.180	12.240.001.180	18.860.404.398	18.860.404.398

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2020 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cán trừ VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.014.347.285	110.898.731.082	(25.014.347.285)	(87.598.300.024)	2.300.431.058

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	87.598.300.024	-	(87.598.300.024)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	71.828.240.577	(71.828.240.577)	-	-
Thuế xuất khẩu nhập khẩu	-	3.044.063.810	(3.044.063.810)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.854.621.332	10.051.942.484	(10.022.409.147)	-	1.884.154.669
Thuế thu nhập cá nhân	645.623.205	2.387.517.885	(2.473.673.485)	-	559.467.605
Thuế khác	-	1.642.181.079	(1.642.181.079)	-	-
	2.500.244.537	176.552.245.859	(89.010.568.098)	(87.598.300.024)	2.443.622.274

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong năm			31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	281.525.297.818	281.525.297.818	833.330.190.388	(851.955.578.249)	-	262.899.909.957	262.899.909.957

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 2%	83.225.081.979	66.821.083.997
Mega International Commercial Bank, Chi nhánh Tainan (b)	3,5 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,1%	69.658.779.137	75.251.565.695
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	5,5 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2%	45.247.189.195	117.379.420.007
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	33.235.228.563	13.486.928.214
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN, Chi nhánh Đồng Nai (b)	4,0 triệu USD	3,25%	31.533.631.083	8.586.299.905
			262.899.909.957	281.525.297.818

- a. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
 b. Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	306.899.450.637	(272.840.000)	55.773.015.249	63.876.326.924	426.275.952.810
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.477.101.299	(9.477.101.299)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.611.107.221)	(1.611.107.221)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 18)	-	-	-	(54.304.630.140)	(54.304.630.140)
Cổ tức – 32,11% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 18)	-	-	-	17.439.096.261	17.439.096.261
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	69.018.179.382	69.018.179.382
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	306.899.450.637	(272.840.000)	65.250.116.548	84.940.763.907	456.817.491.092
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	13.345.532.340	(13.345.532.340)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.268.740.498)	(2.268.740.498)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 18)	-	-	-	(70.565.338.600)	(70.565.338.600)
Cổ tức – 32,11% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 18)	-	-	-	22.022.170.721	22.022.170.721
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	48.549.500.346	48.549.500.346
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	306.899.450.637	(272.840.000)	78.595.648.888	69.332.823.536	454.555.083.061



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

18. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 29 tháng 6 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền với tổng số tiền là 70.565 triệu VND (2.300 VND một cổ phiếu) (2019: 54.305 triệu VND). Khoản cổ tức này sẽ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 67,79% và 32,21% (2019: tỷ lệ lần lượt là 67,89% và 32,11%).

19. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	2.921.341.900	3.610.152.000
Trong vòng hai đến năm năm	11.434.891.200	11.497.510.300
Sau năm năm	48.598.287.600	51.457.010.400
	62.954.520.700	66.564.672.700

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.379.535	31.777.341.195	71.568	1.653.943.874

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.233.745.626.865	1.440.957.891.177
▪ Bán hàng hóa	62.984.220	186.243.730
▪ Bán phế liệu	10.981.168.000	11.892.435.000
	1.244.789.779.085	1.453.036.569.907

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.131.095.463.609	1.308.342.901.313
▪ Hàng hoá đã bán	61.021.142	164.314.001
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(424.618.708)	185.544.852
	<hr/>	<hr/>
	1.130.731.866.043	1.308.692.760.166

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.388.117.977	2.924.205.267
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.051.792.973	3.070.130.572
	<hr/>	<hr/>
	7.439.910.950	5.994.335.839

24. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	12.316.132.329	13.337.314.489
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.346.717.827	4.627.196.244
	<hr/>	<hr/>
	16.662.850.156	17.964.510.733

25. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	8.752.541.653	9.013.305.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.894.459.457	9.352.188.899
Chi phí khác	2.150.298.079	2.148.100.010
	<hr/>	<hr/>
	18.797.299.189	20.513.594.809

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	12.473.263.472	12.140.744.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.359.977.030	7.874.266.206
Chi phí khác	8.321.712.948	8.336.838.481
	<hr/>	<hr/>
	27.154.953.450	28.351.849.532

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.033.120.051.620	1.227.924.344.833
Chi phí nhân công và nhân viên	47.446.760.031	46.662.838.070
Chi phí khấu hao	12.122.917.593	10.498.922.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.017.247.414	53.059.904.364
Chi phí khác	39.128.508.577	43.871.639.113
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	10.051.942.484	14.196.370.193
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	63.692.806	(27.831.727)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.115.635.290	14.168.538.466

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	58.665.135.636	83.186.717.848
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	8.799.770.345	12.478.007.677
Chi phí không được khấu trừ thuế	717.008.632	844.438.112
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	598.856.313	846.092.677
Lợi nhuận chịu thuế	10.115.635.290	14.168.538.466

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các ưu đãi thuế trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng đã được Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015; và các khoản thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối năm, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2020 VND	2019 VND	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	2.625.525.752	10.684.193.102	879.050.932	-
Phí bản quyền và phí UL (*)	1.845.899.904	1.984.460.679	-	-
Phí dịch vụ	18.804.150.000	18.816.300.000	-	2.863.303.808
Công ty TNHH Điện Cơ Teco (Việt Nam)				
Mua nguyên vật liệu	56.051.019	94.290.000	27.566.819	30.800.000
Bán thành phẩm	1.394.529.659	10.575.694.554	135.850.106	808.969.007
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán thành phẩm	3.293.620.161	9.372.383.405	436.734.746	-
Các khoản phải thu cổ tức đã chia	22.022.170.721	17.439.096.261	-	-
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.				
Cổ tức đã chia (**)	56.476.895.600	43.462.654.440	-	-
Ban quản lý chủ chốt				
Cổ tức được chia cho thành viên Hội đồng Quản trị	749.254.900	576.600.510	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang – Chủ tịch	459.901.300	471.392.046	145.605.939	203.614.725



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (công ty mẹ cấp cao nhất), Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 13 sản phẩm thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

(**) Đây là toàn bộ cổ tức đã phân phối cho Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd., công ty mẹ, trong đó 32,21% (2019: 32,11%) được trả bằng lợi nhuận chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 18).

Lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể là:

Tên	Vị trí	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch	1.482.175.436
Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch	1.022.274.136
Ông Shen Shang Hung	Thành viên	206.249.136
Ông Shen San Yi	Thành viên	206.249.136
Ông Wang Ting Shu	Thành viên	206.249.136
Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên	206.249.136
Ông Tu Ting Jui	Thành viên	206.249.136
Ông Lin Fu Chih	Thành viên	206.249.136

Tên	Vị trí	VND
Ban Giám đốc		
Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc	1,098,102,900
Ông. Hsu Ching Yao	Phó Tổng Giám đốc	-

Tên	Vị trí	VND
Ban kiểm soát		
Ông Hung Chung Ming	Trưởng ban kiểm soát	-
Ông Chiu Tsung Jen	Thành viên	646.902.736
Ông Wang Wen Ruey	Thành viên	206.249.136
Ông Wang Yen Huang	Thành viên	206.249.136

12042-

II NHẢ

IG TY

PMI

Ổ HỒ C

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Wang Tung Shu
Tổng Giám đốc

